

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN – HÀ NỘI**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
Công văn gửi ủy ban chứng khoán nhà nước	5
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét	6 – 14
Bảng tính vốn khả dụng	6 – 9
Bảng tính giá trị rủi ro	10 – 13
Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng	14

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK - GP ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 08/GPĐC – UBCK ngày 20 tháng 5 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép hoạt động kinh doanh là **1.000.000.000.000 đồng**.

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh trực thuộc như sau:

Tên Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tại thành phố Đà Nẵng	Số 97 – Lê Lợi, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

TÌNH HÌNH TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 14).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đỗ Quang Hiền	Chủ tịch	
Ông Phạm Hồng Thái	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Thoại	Ủy viên	
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên	
Ông Mai Xuân Sơn	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 23/01/2014
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/01/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Hoàng Đình Lợi	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24/3/2014
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành	Phụ trách điều hành từ ngày 01/4/2014
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP.HCM	Bỏ nhiệm ngày 05/05/2014
Ông Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm kế toán trưởng	Bỏ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 16/4/2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực, hợp lý các chỉ tiêu an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập và trình bày phù hợp với Thông tư số 226/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc Phụ trách điều hành



Vũ Đức Tiến

Số: 285/2014/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 15 tháng 8 năm 2014 từ trang 06 đến trang 14 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với quy định của Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Giám đốc

Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN – HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày: 30 tháng 6 năm 2014

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng



Trần Sỹ Tiến

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Nguyễn Thủy Hạnh Mai

Phó Tổng Giám Đốc

phụ trách điều hành



Vũ Đức Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	(1)	(2)	(3)
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	1.000.000.000.000	-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	108.234.052.000	-	-
3.	Cổ phiếu quỹ	(1.550.000.000)	-	-
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	7.420.555.826	-	-
5.	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
6.	Quỹ dự phòng tài chính	7.420.555.826	-	-
7.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
8.	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	30.866.010	-	-
9.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-	-	-
10.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
11.	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-
12.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
13.	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính	-	43.777.090.953	21.273.754.842
1A	TỔNG	1.121.556.029.662	43.777.090.953	21.273.754.842

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
B	TÀI SẢN NGẮN HẠN	(1)	(2)	(3)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn		-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8		-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác		85.871.390.250	-
1.	Phải thu của khách hàng		-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	-
2.	Trả trước cho người bán		85.871.390.250	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	-
5.	Các khoản phải thu khác		-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	-
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
IV	Hàng tồn kho		141.253.716	-
V	Tài sản ngắn hạn khác		1.749.653.275	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.696.903.275	-
2.	Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác		-	-
4.1	Tạm ứng		-	-
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>		-	-
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày</i>		-	-
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		52.750.000	-
1B	TỔNG		87.762.297.241	-
C	TÀI SẢN DÀI HẠN	(1)	(2)	(3)
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>		-	-
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ		-	-
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>		-	-
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác		-	-
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>		-	-
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	-
1.5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
II	Tài sản cố định		5.811.074.447	-
III	Bất động sản đầu tư		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	-
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>		-	-
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5</i>		-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác		-	-
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	-
V	Tài sản dài hạn khác		8.889.590.908	-
	<i>Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5</i>		-	-
1C	TỔNG		14.700.665.355	-
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C				996.589.730.955

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

Đơn vị tính: VND

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG			
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro
		(1)	(2)
		Giá trị rủi ro (3)= (1)x(2)	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			
			1.338.676.350.766
1.	Tiền (VND)	0%	806.876.350.766
2.	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	531.800.000.000
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-
II. Trái phiếu Chính phủ			
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi		-
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định		-
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3%	-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;		-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;		-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;		-
III. Trái phiếu doanh nghiệp			
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi		-
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3)= (1)x(2)
IV. Cổ phiếu			580.224.001.300	98.312.834.220
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	228.015.664.900	22.801.566.490
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	287.407.991.000	43.111.198.650
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	345.400	69.080
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	64.800.000.000	32.400.000.000
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-	-
13.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả Công ty đầu tư	10%	-	-
14.	Quỹ thành viên, Công ty đầu tư chứng khoán		-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			1.508.336.548	754.168.274
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch		-	-
16.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	1.508.336.548	754.168.274
VII. Chứng khoán khác			-	-
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác		-	-
18.	Các tài sản đầu tư khác		-	-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)			216.615.918.600	6.498.477.558
Mã chứng khoán		Mức tăng thêm	Hệ số rủi ro	Q.mô rủi ro
1.	SHB	20%	15%	216.615.918.600
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I + II + III + IV + V + VI + VII + VIII)				105.565.480.052

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

B. RỦI RO THANH TOÁN								
Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I.	Rủi ro trước thời hạn thanh toán							
1.	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán					31.943.760.167	81.385.447	32.025.145.613
2.	Cho vay chứng khoán/các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					-	-	-
3.	Vay chứng khoán/các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					-	-	-
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					-	-	-
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					-	56.174.054	56.174.054
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					-	58.470.177	58.470.177
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro			Giá trị rủi ro	
1.	0 – 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%					-	-
2.	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%					-	-
3.	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%					-	-
4.	Từ 60 ngày trở đi	100%		282.429.673.241			282.429.673.241	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

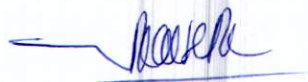
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				
Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác		Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1				
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I + II + III)				314.569.463.085
C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)				
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng			137.514.273.156
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí			(53.678.217.420)
1.	Chi phí khấu hao			4.673.143.754
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn			(68.753.091.797)
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn			(400.000.000)
4.	Dự phòng phải thu khó đòi			10.801.730.623
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)			191.192.490.576
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)			47.798.122.644
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán			60.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})				60.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)				480.134.943.137

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, số 1 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG*Đơn vị tính: VND*

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	105.565.480.052	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	314.569.463.085	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60.000.000.000	
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	480.134.943.137	
5.	Vốn khả dụng	996.589.730.955	
6.	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)	207,56%	

Người lập biểu**Kế toán trưởng****T.P Kiểm soát***Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014***Phó Tổng Giám đốc
phụ trách điều hành****Ngô Thị Trúc Mai****Trần Sỹ Tiến****Nguyễn Thủy Hạnh Mai****Vũ Đức Tiến**